

Số: 298 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong,  
tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị;

*Căn cứ Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 412/TTr-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc trình phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, Báo cáo thẩm định số 50/BC-BXD ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

#### **1. Ranh giới lập quy hoạch.**

Ranh giới lập đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên các xã Vạn Thạnh, Vạn Thọ, Đại Lãnh, Vạn Phước, Vạn Bình, Vạn Long, Vạn Khánh, Vạn Thắng, Vạn Phú, Vạn Lương, Vạn Hưng và thị trấn Vạn Giã thuộc huyện Vạn Ninh; các phường Ninh Hiệp, Ninh Giang, Ninh Đa, Ninh Thủy, Ninh Diêm, Ninh Hải và các xã Ninh An, Ninh Thọ, Ninh Phước thuộc thị xã Ninh Hòa. Quy mô diện tích khoảng 150.000 ha, trong đó diện tích phần mặt nước khoảng 79.178 ha, phần đất liền và đảo khoảng 70.822 ha được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên.

- Phía Nam giáp phường Ninh Hà, các xã Ninh Quang, Ninh Phú và Ninh Vân của thị xã Ninh Hòa.

- Phía Tây giáp tỉnh Phú Yên, xã Xuân Sơn huyện Vạn Ninh và các xã Ninh Sơn, Ninh Trung, Ninh Đông, Ninh Bình thị xã Ninh Hòa.

- Phía Đông giáp biển Đông.

#### **2. Tính chất.**

- Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và là động lực phát triển kinh tế cho các vùng lân cận và cho cả nước. Trong đó kinh tế biển là nền tảng có cảng trung chuyển container quốc tế và

dịch vụ logistic, đô thị, dịch vụ, du lịch, công nghiệp giữ vai trò quan trọng, kết hợp phát triển các ngành kinh tế khác.

- Là trung tâm dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp cao cấp có những sản phẩm dịch vụ, du lịch độc đáo, khác biệt, hiện đại với chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh quốc tế.

- Là khu vực phát triển đô thị thông minh bền vững với hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại.

- Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia.

### 3. Tầm nhìn và chiến lược phát triển.

- Đến năm 2050 đưa Khu kinh tế Vân Phong trở thành trung tâm kinh tế năng động, thông minh, bền vững, bản sắc, có sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng.

- Là khu kinh tế có tính cạnh tranh cao dựa trên các ngành trọng điểm với lợi thế tự nhiên, là trung tâm hàng hải, du lịch, công nghiệp và cửa ngõ giao thương với thế giới của cả vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

### 4. Quy mô dân số và đất xây dựng.

#### a) Quy mô dân số:

- Dân số đến năm 2030: Khoảng 350.000 - 380.000 người; trong đó dân số chính thức khoảng 310.000 - 330.000 người, dân số quy đổi khoảng 40.000 - 50.000 người.

- Dân số đến năm 2040: Khoảng 500.000 - 550.000 người; trong đó dân số chính thức khoảng 420.000 - 450.000 người, dân số quy đổi khoảng 80.000 - 100.000 người.

#### b) Quy mô đất xây dựng:

- Đến năm 2030: Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 14.900 ha, trong đó: phát triển dân cư đô thị khoảng 3.140 ha (bao gồm phát triển dân cư hiện trạng và đô thị hóa khoảng 1.970 ha; phát triển dân cư đô thị mới khoảng 1.170 ha), phát triển hỗn hợp dân cư dịch vụ khoảng 950 ha (trong đó phát triển dân cư khoảng 95 ha); phát triển dân cư nông thôn khoảng 2.660 ha; đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 8.150 ha.

- Đến năm 2040: Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 22.000 ha, trong đó: phát triển dân cư đô thị khoảng 5.396 ha (bao gồm phát triển dân cư hiện trạng và đô thị hóa khoảng 2.937 ha; phát triển dân cư đô thị mới khoảng 2.459 ha); phát triển hỗn hợp dân cư dịch vụ khoảng 1.742 ha (trong đó phát triển dân cư khoảng 173 ha); phát triển dân cư nông thôn khoảng 1.418 ha; đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 13.444 ha.

## 5. Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng.

### a) Cấu trúc phát triển không gian tổng thể:

- Khu vực Bắc Vân Phong (huyện Vạn Ninh) gồm: các khu du lịch cao cấp tại đảo Hòn Lớn và bán đảo Hòn Gốm, cảng trung chuyển quốc tế, cảng du lịch quốc tế, các công trình dịch vụ hậu cần cảng, công nghiệp tại khu vực Đầm Môn, các khu đô thị, du lịch, các không gian cây xanh, mặt nước và các khu đồi núi.

- Khu vực Nam Vân Phong (khu vực phía Đông thị xã Ninh Hòa), gồm: Cảng trung chuyển container, cảng tổng hợp, các tổ hợp công nghiệp, kho tàng tận dụng được lợi thế của cảng nước sâu, các khu đô thị và các khu dịch vụ du lịch, được phân bố, đan xen với các không gian sinh thái ngập mặn, đồi núi sát biển, dọc theo tỉnh lộ 652D cũng như phía Đông đường sắt quốc gia Bắc - Nam.

### b) Các chức năng trong Khu kinh tế Vân Phong:

- Các khu phát triển dịch vụ, du lịch với các loại hình du lịch sinh thái - vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp, sân golf, casino, công viên chuyên đề, triển lãm du thuyền quốc tế kết hợp các hoạt động tham quan, trải nghiệm... có tổng diện tích đất khoảng 2.613 ha tập trung chủ yếu tại khu vực Hòn Lớn, bán đảo Hòn Gốm, Đại Lãnh khoảng 2.027 ha và khu vực Dốc Lết khoảng 200 ha, các khu vực khác khoảng 386 ha.

- Khu vực phát triển sản xuất công nghiệp, khu công nghiệp có tổng diện tích khoảng 2.721 ha gồm: các khu hiện đã có khoảng 496 ha; các khu vực dự kiến phát triển công nghiệp đến năm 2030 khoảng 1.475 ha (Ninh Diêm 3, Vạn Lương, Ninh An, Ninh Diêm, Ninh Thọ). Các khu vực dự kiến phát triển công nghiệp đến năm 2040 khoảng 750 ha.

- Cảng biển, các trung tâm dịch vụ hậu cần, logistic khoảng 509 ha; các khu vực dự kiến phát triển cảng, hậu cần cảng khoảng 961 ha tại Bắc và Nam Vân Phong; các khu vực dự kiến phát triển hậu cần cảng, logistic tại Ninh Phước khoảng 445 ha.

- Khu vực dự kiến phát triển cảng hàng không khoảng 500 ha tại Vạn Thắng.

- Các khu vực phát triển sân golf được bố trí tại đảo Hòn Lớn, khu Đầm Môn, khu vực Tuần Lễ - Hòn Ngang. Khu vực phát triển sân golf đến năm 2030 tại Đầm Môn có diện tích 176 ha. Các khu vực sân golf khác có tổng diện tích khoảng 479 ha.

- Phát triển dân cư đô thị có tổng diện tích khoảng 5.396 ha tại các khu vực: Đầm Môn, Cổ Mã - Tu Bông, Vạn Giã và vùng phụ cận, Đông - Bắc Ninh Hòa, Đông - Nam Ninh Hòa. Các khu vực Đầm Môn, Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn đất khu vực phát triển dân cư đô thị chiếm tỷ lệ không quá 10% tổng diện tích

đất tự nhiên khu vực bán đảo Hòn Gồm; không hình thành đất đơn vị ở tại đảo Hòn Lớn, đảo Điệp Sơn và núi Khải Lương.

- Các khu vực phát triển dân cư hỗn hợp (dân cư, dịch vụ) có tổng diện tích khoảng 173 ha tại các khu vực Đầm Môn, Cổ Mã - Tu Bông, Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn, Ninh Hải - Dốc Lết, Đông Bắc Ninh Hoà, khu vực dọc trục đường 26B.

- Các khu dân cư nông thôn có tổng diện tích đất khoảng 1.418 ha tại khu vực phía Tây huyện Vạn Ninh thuộc một phần các xã Vạn Khánh, Vạn Thắng, Vạn Bình, Vạn Phú, Vạn Lương, Vạn Hưng và thị xã Ninh Hòa bao gồm xã Ninh An, một phần xã Ninh Thọ...

#### c) Phân khu chức năng:

- Khu vực Bán đảo Hòn Gồm và Đảo Hòn Lớn có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 14.756 ha gồm các phân khu: (1) Khu du lịch sinh thái Đảo Hòn Lớn; (2) Khu du lịch Núi Khải Lương; (3) Trung tâm cảng biển - đô thị Đầm Môn; (4) Khu đô thị, du lịch Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn; (5) Khu đô thị, thương mại, dịch vụ du lịch Tuần Lễ - Hòn Ngang.

- Khu vực Cổ Mã - Tu Bông có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 16.589 ha gồm các phân khu: (6) Khu du lịch Đảo Điệp Sơn; (7) Khu đô thị sinh thái Đại Lãnh; (8) Khu đô thị, du lịch Cổ Mã - Tu Bông; (9) Khu du lịch sinh thái núi Tây Tu Bông.

- Khu vực Vạn Giã và vùng phụ cận có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 24.229 ha gồm các phân khu: (10) Khu sinh thái núi Tây Vạn Giã; (11) Khu đô thị Vạn Giã và vùng phụ cận; (12) Khu đô thị Nam Vạn Giã; (13) Khu công nghiệp, đô thị dịch vụ Vạn Hưng.

- Khu vực Đông - Bắc Ninh Hòa có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 7.021 ha gồm các phân khu: (14) Khu đô thị du lịch Ninh Hải - Dốc Lết; (15) Khu dịch vụ đô thị, công nghiệp Tây Ninh An; (16) Khu dịch vụ đô thị và dân cư Đông Bắc Ninh Hòa.

- Khu vực Đông - Nam Ninh Hòa có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 12.373 ha gồm các phân khu: (17) Khu đô thị và công nghiệp Bắc Hòn Hèo; (18) Khu đô thị dịch vụ trung tâm Ninh Hòa; (19) Khu chức năng công nghiệp và cảng biển Nam Vân Phong.

#### 6. Định hướng không gian kiến trúc, cảnh quan.

##### a) Các trục không gian chính

- Các trục không gian chính đô thị tại (1) Hòn Gồm, (2) Tuần Lễ - Hòn Ngang, (3) Cổ Mã - Tu Bông, (4) Thị trấn Vạn Giã, (5) khu vực Hòn Khói - Dốc Lết.

- Các trục không gian cảnh quan tự nhiên chính dọc theo sông Hiền Lương, sông Đồng Điền.

- Các trục không gian hướng biển và ven biển chính tại khu vực các xã Vạn Thắng, Vạn Khánh, Vạn Lương, Thị trấn Vạn Giã.

#### b) Định hướng kiến trúc

- Khuyến khích xây dựng các công trình, tổ hợp công trình có quy mô lớn ngang tầm quốc tế có kiến trúc độc đáo, phản ánh văn hóa địa phương, nét đặc thù của các khu chức năng đô thị, công nghiệp, du lịch với việc áp dụng các kỹ thuật xây dựng tiên tiến hướng theo mô hình xanh bền vững.

- Các quần thể công trình kiến trúc phải tạo sự đa dạng nhưng vẫn phải đảm bảo hài hòa với các không gian xung quanh, phát huy đặc điểm riêng của từng khu vực .

- Khu vực trung tâm đô thị xây dựng mật độ cao ở khu vực trung tâm, mật độ thấp dần ở các khu vực ngoại vi, diện tích không gian xanh lớn, hòa nhập với cảnh quan thiên nhiên. Hình thành các không gian xanh, các khoảng đệm và hành lang xanh phân tách các khu chức năng của đô thị, tạo sự đa dạng trong bố cục không gian.

- Khu vực dân cư làng xóm hiện hữu: cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các khu dân cư hiện hữu, bổ sung hoàn thiện hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo hướng kết hợp ở và khai thác phục vụ du lịch.

#### c) Khu vực cửa ngõ và công trình điểm nhấn

- Khu vực cửa ngõ phía Bắc tại nút giao Cổ Mã, khuyến khích quỹ đất phát triển đa năng, có tính nhận diện cao, mang tính biểu tượng, nhằm tạo hình ảnh một KKT Vân Phong năng động, sinh thái, thân thiện và an toàn.

- Khu vực cửa ngõ phía Nam tại trung tâm thị xã Ninh Hoà. Các công trình có tính nhận diện cao, mang tính biểu tượng thể hiện tính năng động, công nghệ cao, bền vững và tin cậy.

- Các khu vực nghiên cứu bố trí công trình điểm nhấn gồm: các khu vực cửa ngõ, khu vực trung tâm Đầm Môn, khu vực Cổ Mã – Tu Bông, khu bán đảo Hòn Khói – Ninh Hải.

#### d) Mật độ xây dựng, tầng cao

- Mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất được quản lý theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 012021.

- Khu đô thị, khu công nghiệp, đất ở phát triển mới có mật độ trung bình; khu vực phát triển du lịch, khu nhà ở nông thôn, khu sinh thái, công viên cây xanh, thể dục thể thao có mật độ xây dựng thấp. Một số khu vực có mật độ xây dựng cao (khoảng 60%): Hòn Gốm, Cổ Mã – Tu Bông, Hòn Khói – Ninh Hải.

- Chiều cao công trình tối đa xác định cụ thể theo các khu vực, chức năng vị trí trên cơ sở phân tích cảnh quan, khả năng đáp ứng của hạ tầng và thực hiện đầy đủ quy trình lấy ý kiến cộng đồng, các cơ quan liên quan theo quy định pháp luật.

- Khu vực hành chính, dịch vụ trong các khu công nghiệp có chiều cao công trình tối đa 7 tầng. Các khu vực nằm trong phễu bay của cảng hàng không Vân Phong bị khống chế về tầng cao theo quy định.

đ) Các khu vực trọng điểm

- Vùng cảnh quan tự nhiên tại Mũi Đồi, Đại Lãnh, Tuần Lễ - Hòn Ngang, Hòn Khói, Đảo Diệp Sơn, Đảo Hòn Lớn: Bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan tự nhiên sinh thái; khai thác có điều kiện các khu vực tự nhiên có giá trị quan trọng, đảm bảo tính hài hoà trong việc kết hợp công trình xây dựng với cảnh quan tự nhiên.

- Vùng cảnh quan ven biển tại Hòn Gôm, Tuần Lễ - Hòn Ngang, Dải ven biển từ Cỏ Mã đến Ninh Thọ, Bãi biển Dốc Lết: quản lý, chuyển đổi và khai thác hợp lý diện tích các khu vực ven biển, từng bước chuyển đổi đầm địa nuôi biển thành các không gian công cộng và hỗ trợ phát triển du lịch bền vững, phù hợp với hành lang bảo vệ bờ biển.

7. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội.

a) Hệ thống đô thị:

- Đến năm 2030, huyện Vạn Ninh phía Bắc Khu kinh tế Vân Phong đạt những tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV; phát triển lên thị xã vào năm 2040.

- Phát triển thị xã Ninh Hòa phía Nam Khu kinh tế Vân Phong trở thành đô thị loại III vào năm 2030 và phấn đấu trở thành thành phố vào năm 2040.

b) Hệ thống du lịch:

Tập trung phát triển du lịch đặc thù với thế mạnh là du lịch các điểm cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng và độc đáo tại đảo Diệp Sơn, bãi Sơn Đùng, Mũi Đồi, biển Đại Lãnh, Hòn Ông, Vũng Đầm Môn... Những khu vực có bãi tắm đẹp như khu vực Tuần Lễ - Hòn Ngang, Núi Khải Lương, Đảo Hòn Lớn, bãi Dốc Lết...

Khu vực Vân Phong được xác định là địa điểm có tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia theo quy định của pháp luật về du lịch, vì vậy, trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch cần ưu tiên các vị trí thuận lợi, quỹ đất dành cho phát triển hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch; đồng thời cần ưu tiên bảo vệ các vùng cảnh quan, các giá trị văn hóa và bảo tồn các di tích văn hóa, lịch sử có giá trị (vùng bảo vệ đặc biệt nghiêm ngặt của di tích, di sản); tạo thuận lợi cho phát triển sản phẩm du lịch. Các khu vực: khu vực Hòn Lớn, Bán đảo Hòn Gôm, Đại Lãnh và Dốc Lết là những vùng cảnh

quan có giá trị đặc biệt cho phát triển du lịch. Vì vậy, cần ưu tiên bố trí và phân khu chức năng cho hoạt động du lịch. Ưu tiên dành các bãi cát, bãi tắm đẹp cho mục đích khai thác du lịch và phục vụ công cộng.

c) Cảng, công nghiệp, hậu cần:

- Khu bến Bắc Vân Phong: gồm các bến du lịch và bến tổng hợp; bố trí quỹ đất dự trữ cho cảng trung chuyển quốc tế, hậu cần cảng tại khu vực Đầm Môn.

- Khu bến Nam Vân Phong: gồm các bến tổng hợp, bến chuyên dùng, bến nhập xuất khí thiên nhiên hóa lỏng, bến nhập than và khu vực phát triển công nghiệp hậu cần cảng...

- Giữ nguyên các khu công nghiệp đã hình thành (Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng, Khu công nghiệp Ninh Thủy), định hướng không gian phát triển công nghiệp, đô thị công nghiệp tại khu vực Vạn Lương, khu vực Ninh Diêm - Ninh Thọ và Ninh An; khu vực phát triển công nghiệp gắn với cảng biển tại Ninh Phước; mở rộng Khu công nghiệp Ninh Thủy...

d) Hệ thống thương mại, dịch vụ:

Xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ cấp I tại khu vực Đầm Môn, khu vực đô thị Cổ Mã - Tu Bông, khu vực đô thị Ninh Hải - Ninh Diêm - Ninh Thủy; Trung tâm thương mại dịch vụ cấp II tại khu vực thị trấn Vạn Giã, đô thị Ninh Hòa cũ; Trung tâm thương mại dịch vụ cấp III tại khu vực Vĩnh Yên - Mũi Đá Son, khu đô thị Đông - Bắc Ninh Hòa, khu du lịch trên đảo Hòn Lớn...

Hình thành mạng lưới các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, ... theo các cấp phục vụ kết hợp với việc cải tạo và nâng cấp các công trình hiện có, chú trọng đáp ứng nhu cầu diện tích bãi đỗ xe.

đ) Ngành nông, lâm, ngư nghiệp:

Hình thành các hành lang xanh, sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch; phát triển mô hình nông nghiệp chất lượng cao, hiệu quả, bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái; vùng mặt nước nuôi trồng thủy sản tập trung với mô hình công nghệ cao, diện tích đủ lớn, tránh chồng lấn với các quy hoạch khác.

Phát triển và sử dụng bền vững đất lâm nghiệp; đảm bảo sự tham gia bình đẳng của các thành phần kinh tế vào các hoạt động lâm nghiệp; ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân.

e) Hệ thống cơ quan, công sở:



Cải tạo, nâng cấp hoặc mở rộng hệ thống các công trình hành chính hiện có tại thị trấn Vạn Giã và khu vực trung tâm thị xã Ninh Hòa. Xây dựng mới các công trình hành chính đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Các công trình hành chính được bố trí tập trung, tạo lập hình ảnh hiện đại, phát huy vai trò, vị trí chức năng là trung tâm kinh tế của tỉnh.

g) Hệ thống công trình văn hóa:

Cải tạo chỉnh trang các công trình văn hóa hiện có. Xây dựng trung tâm văn hóa nghệ thuật, các câu lạc bộ, thư viện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của các thành phần dân cư trong khu kinh tế.

Hệ thống quảng trường bao gồm các không gian công cộng, các không gian đi bộ gắn kết với các khu cây xanh, công viên, công trình hành chính, khu vui chơi giải trí... Tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử cách mạng, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch.

h) Hệ thống giáo dục - đào tạo:

Cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất các công trình giáo dục - đào tạo hiện có. Đối với các đơn vị ở phát triển mới quy hoạch phải đảm bảo việc bố trí quỹ đất xây dựng trường học phổ thông các cấp theo tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng hiện hành.

Phát triển các cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp tại các khu dân cư và dự trữ cho các kế hoạch phát triển dài hạn; xây dựng các trung tâm đào tạo, dạy nghề chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển khu kinh tế trong từng giai đoạn.

i) Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe:

Nâng cấp các bệnh viện và cơ sở y tế hiện có; xây dựng mới các cơ sở khám chữa bệnh, các bệnh viện đa khoa hoặc chuyên ngành hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người làm việc và nhân dân, đặc biệt là tại các khu vực dân cư tập trung.

k) Hệ thống cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước:

Công trình thể dục thể thao: Nâng cấp hệ thống công trình thể dục thể thao hiện hữu; xây dựng mới các trung tâm thể dục thể thao cấp khu vực tại khu đô thị trung tâm theo tiêu chuẩn hiện đại, tiện nghi; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh theo tầng bậc, gắn kết với các khu trung tâm khu đô thị, các đơn vị ở, ven biển, dọc sông, hồ; xây dựng công viên văn hóa, vui chơi giải trí tại các khu vực trung tâm, các công viên chuyên đề phù hợp ngành nghề chủ đạo của khu kinh tế.

l) Khu vực phát triển dân cư:

- Khu vực dân cư đô thị:

Các khu cải tạo, nâng cấp: Tôn tạo, chỉnh trang các khu dân cư cũ; không xây dựng xen cấy vào các khoảng không gian xanh của đô thị, trong khu ở; cải tạo lại các khu dân cư dọc theo các tuyến đường chính đô thị trên nguyên tắc chỉnh trang kiến trúc công trình, dãy phố nhằm nâng cao bộ mặt mỹ quan đô thị, phù hợp với kiến trúc các khu vực xây dựng mới.

Các khu phát triển mới: Phát triển theo hướng đô thị xanh hiện đại, tiện nghi, hài hòa với không gian cảnh quan đô thị; phát triển phải đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật gắn với các chức năng thương mại, dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí hiện đại, tiện nghi, cao cấp; tại khu vực trung tâm các khu đô thị, khuyến khích xây dựng mô hình nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhằm khai thác tối đa lợi thế không gian cảnh quan, kết nối giao thông, tạo nên các trục thương mại - dịch vụ - du lịch hấp dẫn cho khu vực trung tâm đô thị.

- Khu vực dân cư nông thôn:

Di dời các khu vực dân cư nông thôn có điều kiện phát triển khó khăn hoặc không đảm bảo về môi trường; tôn tạo, chỉnh trang các khu vực dân cư nông thôn hiện hữu; tại khu vực tiếp cận các vùng nông nghiệp xây dựng nhà ở dạng nhà vườn, nhà ở xây dựng với mật độ thấp, tỷ lệ cây xanh cao, tạo sự gắn kết hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

m) Định hướng các khu tái định cư:

Các khu tái định cư có tổng diện tích 717 ha bao gồm các khu tái định cư đã quy hoạch khoảng 157 ha, các khu tái định cư mới có tổng diện tích khoảng 560 ha.

8. Định hướng quy hoạch sử dụng đất.

Tổng diện tích khu kinh tế 150.000 ha, bao gồm: Khu vực mặt nước khoảng 75.032 ha, khu vực đất tự nhiên khoảng 74.968 ha (trong đó khu vực đất liền 70.822 ha; khu vực đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm và lấn biển khoảng 4.145ha).

Định hướng quy hoạch sử dụng đất khu vực đất tự nhiên đến năm 2040 như sau:

- Đất xây dựng các khu chức năng: Khoảng 22.000 ha (chiếm 29,3% diện tích đất tự nhiên khu kinh tế) bao gồm: (1) Phát triển dân cư đô thị khoảng 5.396 ha. (2) Phát triển hỗn hợp khoảng 1.742 ha (trong đó phát triển dân cư khoảng 173 ha). (3) Đất phát triển dân cư nông thôn: khoảng 1.418 ha. (4) Đất xây dựng các khu chức năng khác khoảng 13.444 ha.

- Khu đất nông nghiệp và chức năng khác: Khoảng 52.968 ha (chiếm 70,7% diện tích đất tự nhiên khu kinh tế).

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

TT	Hạng mục	Đến năm 2030			Đến năm 2040		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%) đất XD	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%) đất XD	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
	<b>Diện tích khu vực nghiên cứu (I+II)</b>	<b>150.000</b>			<b>150.000</b>		
<b>I</b>	<b>Cộng (A+B) đất tự nhiên KKT</b>	<b>71.802</b>			<b>74.968</b>		
	Trong đó: Khu vực đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm và lần biển	980			4.145		
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng các khu chức năng KKT</b>	<b>14.900</b>	<b>100,0</b>		<b>22.000</b>	<b>100,0</b>	
1	Phát triển dân cư đô thị	3.140	21,0		5.396	24,5	
1.1	Phát triển dân cư đô thị hiện trạng	1.970		175,1	2.937		169,1
1.2	Phát triển dân cư đô thị xây mới	1.170		80,3	2.459		80,5
2	Phát triển hỗn hợp (dân cư, dịch vụ)	950	6,4		1.742	7,9	
	Trong đó: phát triển dân cư	95			173		
3	Phát triển dân cư nông thôn	2.660	17,8		1.418	6,4	
4	Dịch vụ - công cộng	953	6,4		1.704	7,7	
5	Cây xanh sử dụng cộng cộng	240	1,6	6,2	353	1,6	6,4
6	Cây xanh sử dụng hạn chế	400	2,7		619	2,8	
7	Cây xanh chuyên dụng	110	0,7		216	1,0	
8	Cây xanh sinh thái	150	1,0		1.073	4,9	
9	Phát triển sản xuất, khu công nghiệp, công nghiệp	1.971	13,2		2.721	12,4	
10	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu	17	0,1		58	0,3	
11	Cơ quan, trụ sở	35	0,2		36	0,2	
12	Trung tâm y tế	15	0,1		19,0	0,1	
13	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao	20	0,1		24	0,1	

TT	Hạng mục	Đến năm 2030			Đến năm 2040		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%) đất XD	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%) đất XD	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
14	Phát triển dịch vụ, du lịch	1.727	11,7		2.613	11,9	
15	Di tích, tôn giáo	98	0,7		98	0,4	
16	An ninh, quốc phòng	79	0,5		79	0,4	
17	Giao thông	1.625	10,9		3.064	13,9	
18	Hạ tầng kỹ thuật khác - cảng biển	710	4,8		767	3,5	
<b>B</b>	<b>Khu đất nông nghiệp và chức năng khác</b>	<b>56.902</b>			<b>52.968</b>	<b>70,7</b>	
1	Nghĩa trang	150			154		
2	Sản xuất nông nghiệp	12.150			9.342		
3	Lâm nghiệp	35.473			33.653		
4	Nuôi trồng thủy sản	250			208		
5	Chưa sử dụng (Đất bằng, đất đồi núi chưa sử dụng)	4.710			4.343		
6	Làm muối	370			308		
7	Hồ, ao, đầm	348			378		
8	Sông, suối, kênh, rạch	607			684		
9	Các loại chức năng khác (thủy lợi, bãi cát, khu vực dự kiến phát triển cảng, sân bay, khu công nghiệp, Logistic...)	2.844			3.897		
<b>II</b>	<b>Mặt nước biển</b>	<b>78.198</b>			<b>75.032</b>		

9. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường sắt.

+ Xây mới đường sắt tốc độ cao hướng tuyến song song với đường bộ cao tốc Bắc - Nam.

+ Bảo vệ hành lang tuyến đường sắt quốc gia hiện hữu, tạo điều kiện đảm bảo hành lang cho quá trình nâng cấp lên khổ đường sắt 1.435 mm trong tương lai. Nâng cấp các ga hiện hữu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

+ Bố trí quỹ đất xây dựng tuyến đường sắt chạy dọc tuyến quốc lộ 26B hỗ trợ cho khu vực phát triển bến cảng tiềm năng Nam Vân Phong khi có điều kiện.

+ Bổ sung nhánh rẽ và ga đường sắt tốc độ cao tại Vạn Phước (huyện Vạn Ninh) theo quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia.

- Cảng biển.

+ Khu bến Bắc Vân Phong:

. Giai đoạn trước năm 2030: Định hướng theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: phát triển cảng hành khách quốc tế, tiếp nhận tàu hành khách 225.000 GT; diện tích khoảng 160 - 200 ha tại khu vực Đầm Môn. Dự trữ quỹ đất đủ để phát triển cảng trung chuyển quốc tế; có bến container, bến tổng hợp; duy trì bến tổng hợp Bắc Vân Phong (quy mô 42 ha) đang hoạt động và điều chỉnh lại tính chất phù hợp với không gian phát triển của khu vực.

. Giai đoạn sau năm 2030: Phát triển cảng trung chuyển quốc tế khi có điều kiện. Cỡ tàu: tàu container trọng tải đến 24.000 TEU (250.000 tấn), tàu tổng hợp, trọng tải đến 100.000 tấn hoặc lớn hơn.

+ Khu bến Nam Vân Phong:

. Giai đoạn trước năm 2030: Định hướng theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Phục vụ trực tiếp khu kinh tế Vân Phong và tiếp chuyển hàng lỏng/khí, hàng rời; có bến tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí. Cỡ tàu tổng hợp trọng tải đến 100.000 tấn, tàu hàng rời trọng tải đến 300.000 tấn, tàu hàng lỏng/khí trọng tải đến 150.000 tấn.

. Giai đoạn sau năm 2030: Dự trữ quỹ đất đủ để phát triển cảng trung chuyển quốc tế; có bến container, bến tổng hợp.

- Hàng không.

Quy hoạch, đầu tư xây dựng Cảng hàng không Vân Phong tại khu vực xã Vạn Thắng với quy mô sử dụng đất dự trữ (lấn biển) khoảng 500 ha.

b) Giao thông nội vùng khu kinh tế:

- Đường bộ.

+ Nâng cấp cải tạo mạng lưới giao thông nội vùng kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông đối ngoại.

+ Đường tỉnh: nâng cấp, cải tạo, xây mới hệ thống đường tỉnh theo quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Định hướng 05 tuyến trục chính đô thị quan trọng: tuyến Đầm Môn; tuyến Tu Bông - Vạn Giã; tuyến Vạn Giã - Sân bay; tuyến quốc lộ 1 - Dốc Lết; tuyến trục chính đô thị Ninh Hòa.

+ Bến xe, bãi đỗ xe: Quy hoạch hệ thống bến xe gắn liền với các đầu mối giao thông quan trọng, quy hoạch 03 bến xe tại Ninh Hòa, Vạn Giã và Đầm Môn quy mô khoảng 3÷5ha. Xây dựng bãi đỗ xe tại các trung tâm dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, tại các đầu mối chuyển tiếp các loại hình giao thông như ga đường sắt, bến thủy nội địa, quy mô tối thiểu 0,3 ha.

+ Giao thông công cộng: Phát triển mạng lưới các tuyến Buýt đô thị kết nối thuận tiện các khu vực phát triển, các khu vực công nghiệp, cảng, bến thuyền du lịch, cảng hàng không, trung tâm thương mại. Xây dựng 01 tuyến tàu điện phục vụ du lịch kết nối khu vực Cảng hàng không Vân Phong với khu vực phát triển du lịch tại Vĩnh Yên.

- Đường sắt đô thị.

+ Xây dựng 01 tuyến đường sắt đô thị kết nối khu vực dự kiến xây dựng Cảng hàng không Vân Phong với trung tâm du lịch biển cao cấp tại khu vực Đầm Môn.

+ Định hướng quy hoạch các tuyến metro kết nối cảng hàng không vào Đầm Môn và khu vực trung tâm Ninh Hòa.

- Đường thủy nội địa.

Duy trì các tuyến đường thủy hiện hữu, nâng cấp cải tạo và tập trung phát huy khai thác các tuyến đường thủy nội địa, hình thành các tuyến bus trên mặt nước.

c) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền xây dựng:

+ Khu vực 1: Gồm khu du lịch sinh thái Đảo Hòn Lớn; Khu du lịch núi Khải Lương; Trung tâm cảng biển, đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp Đầm Môn; Khu đô thị, du lịch Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn: chọn cao độ xây dựng  $\geq +3,0$  m; vùng núi cao bám sát địa hình tự nhiên.

+ Khu vực 2: Gồm Khu dịch vụ du lịch Tuần Lữ Hòn Ngang; Khu đô thị du lịch Cổ Mã - Tu Bông; Khu du lịch đảo Diệp Sơn: chọn cao độ xây dựng  $\geq +3,0$  m.

+ Khu vực 3: Gồm Khu du lịch sinh thái Đại Lãnh; Khu du lịch sinh thái núi Tây Tu Bông; Khu sinh thái núi Tây Vạn Giã: cao độ nền xây dựng bám sát địa hình tự nhiên.

+ Khu vực 4: Gồm Khu đô thị Vạn Giã và vùng phụ cận; Khu đô thị Nam Vạn Giã; Khu công nghiệp, dịch vụ Vạn Hưng: chọn cao độ xây dựng  $\geq +3,2$  m.

+ Khu vực 5: Gồm Khu du lịch Ninh Hải - Dốc Lết; Khu đô thị, công nghiệp Tây Ninh An; Khu dịch vụ đô thị và dân cư Đông Bắc Ninh Hòa; Khu đô thị tập trung Bắc Hòn Hèo; Khu đô thị dịch vụ trung tâm Ninh Hòa; Khu chức năng công nghiệp và cảng biển Nam Vân Phong: chọn cao độ xây dựng  $\geq +3,0$  m.

- Thoát nước mưa:

+ Hệ thống: đối với khu vực hiện hữu sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, đối với khu vực xây mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng.

+ Hướng thoát: nước mưa của các lưu vực tập trung vào hệ thống công dẫn về các sông, suối, kênh, rạch rồi thoát ra biển.

+ Phân chia khu kinh tế thành 6 lưu vực thoát nước chính phù hợp với địa hình tự nhiên, giảm tiết diện cống thoát nước:

Lưu vực 1: Lưu vực sông Tô Giang (các xã Đại Lãnh, Vạn Thọ, Vạn Phước, Vạn Long, Vạn Khánh). Hướng thoát nước chính: thoát về sông Tô Giang và thoát ra biển

Lưu vực 2: Lưu vực sông Đồng Điền và Hiền Lương (xã Vạn Thắng, xã Vạn Bình, xã Vạn Lương và thị trấn Vạn Giã). Hướng thoát nước chính: thoát ra sông Đồng Điền, Hiền Lương và thoát ra biển.

Lưu vực 3: Lưu vực xã Vạn Hưng. Hướng thoát nước chính: thoát ra kênh, suối và thoát ra biển.

Lưu vực 4: Khu vực xã Ninh Phước, phường Ninh Thủy, phường Ninh Hải, phường Ninh Diêm. Hướng thoát nước chính: thoát ra kênh tiêu và thoát ra sông Dinh.

Lưu vực 5: Khu vực xã Ninh An, Ninh Thọ và khu trung tâm thị xã (gồm các phường Ninh Đa, Ninh Giang và Ninh Hiệp). Hướng thoát nước chính: thoát ra vịnh Hòn Khói và thoát ra biển.

Lưu vực 6: Lưu vực các đảo. Hướng thoát nước chính: Thoát ra biển.

d) Cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước: Đến năm 2030 khoảng 135.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; đến năm 2040 khoảng 190.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nguồn cấp nước: Khai thác nguồn nước thô các hồ Tiên Du, Hoa Sơn, Đá Bàn, Hòn Khói, Đồng Điền, Sông Chò 1.

- Công trình đầu mối: Tiếp tục sử dụng các nhà máy nước Ninh Sơn, Ninh Hòa, Hyundai Vinashin và nâng công suất các nhà máy nước: Tu Bông, Vạn Ninh. Xây mới các nhà máy nước: Đại Lãnh, đảo Hòn Lớn, Ngọc Sơn, Ninh Phước.

- Dự kiến phân vùng cấp nước: (Phương án dự kiến phân vùng cấp nước theo hướng mở. Các nhà máy nước liên kết hỗ trợ với nhau cấp nước trong toàn khu kinh tế).

+ Phân khu 1 (đảo Hòn Lớn): Xây dựng các hồ chứa cung cấp nước ngọt trên đảo như: hồ Khải Lương, hồ Ninh Tân, hồ Ninh Đảo. Xem xét đến phương án xử lý nước biển, nước ngầm hoặc đưa nước sạch từ đất liền ra.

+ Phân khu 2 đến 9 (bán đảo Hòn Gốm và Bắc Vạn Ninh) sử dụng nguồn nhà máy nước Tu Bông, Đại Lãnh.

+ Phân khu 10 đến 12 (Nam Vạn Ninh) sử dụng nguồn nhà máy nước Vạn Ninh.

+ Phân khu 13 đến 19 (Bắc và Nam Ninh Hòa) sử dụng nguồn nhà máy nước Ninh Hòa, Ninh Sơn, Ngọc Sơn, Ninh Phước, Hyundai Việt Nam (cấp riêng cho khu công nghiệp đóng tàu).

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Tuân thủ Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2013. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2021/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình.

đ) Cấp điện, chiếu sáng:

- Nhu cầu cấp điện đến năm 2030: 831MW; đến năm 2040: 1.357MW.

- Nguồn phát điện: Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 công suất 1.320 MW; Dự án điện mặt trời KN Vạn Ninh công suất 100MW; xây mới nhà máy điện khí LNG Vân Phong công suất 2.500 - 3.750MW.

- Lưới điện cao thế: Xây mới tuyến 500kV đấu nối trạm 500kV Vân Phong; nâng cấp tuyến 220kV hiện hữu, xây mới tuyến 220kV cấp điện cho trạm 220kV Vạn Ninh; hoàn thiện kết cấu lưới 110kV đảm bảo tiêu chí mỗi trạm nguồn được cấp điện từ 2 tuyến 110kV.

- Lưới trung thế: Cải tạo tuyến trung thế hiện hữu phù hợp với quy hoạch giao thông; khu vực đô thị, khu du lịch sử dụng cáp ngầm, tiết diện tối thiểu 240 mm<sup>2</sup>; khu vực công nghiệp, khu dân cư hiện hữu, khu vực ngoại thị, nông thôn sử dụng đường dây nổi; cải tạo và xây mới trạm hạ thế, vị trí trung tâm phụ tải, tại các khu vực cây xanh, công cộng.

- Trạm biến áp: Xây mới trạm 500kV Vân Phong; nâng cấp trạm 220kV Vân Phong; xây mới trạm 220kV Vạn Ninh công suất 2x250MVA; nâng cấp trạm 110kV Vạn Giã; nâng công suất trạm 110kV Ninh Thủy; xây mới trạm 110kV (Tu Bông, Đầm Môn, Đầm Môn, Vạn Ninh 2, Cảng Hòn Khói, Ninh Thọ, Ninh Vân).

e) Thông tin liên lạc:

- Thiết lập hệ thống dự phòng, nâng cấp hệ thống hiện trạng và tăng dung lượng quản lý, điều khiển, chuyển mạch viễn thông.

- Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng); xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, ưu tiên xây dựng đô thị thông minh tại khu đô thị mới.



- Phát triển cáp quang băng rộng đến 100% trung tâm phường, xã, thị trấn trên địa bàn; đảm bảo 100% khu vực dân cư có sóng thông tin di động chất lượng tốt nhất; nâng cấp và phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ và chất lượng cao đến các khu, cụm khu công nghiệp. Ngầm hóa đồng bộ đường đô thị trên địa bàn (ưu tiên các khu vực xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng).

- Quy hoạch phát triển mạng viễn thông theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp (sử dụng chung hạ tầng công nghệ, hạ tầng cột phát sóng...) trên cơ sở tăng cường số lượng trạm thân thiện môi trường; nhằm giảm chi phí đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.

g) Thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

+ Nhu cầu thu gom xử lý nước thải đến năm 2030 khoảng 95.000 m<sup>3</sup>/ngày, đến năm 2040 khoảng 136.200m<sup>3</sup>/ngày.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt riêng và nửa riêng cho 04 khu vực đô thị gồm 07 trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Các khu vực địa hình không thuận lợi được xử lý nước thải phân tán trong điều kiện tự nhiên.

+ Xây mới các trạm xử lý công nghiệp: Trạm xử lý nước thải công nghiệp CN1 khu vực Bán đảo Hòn Gốm công suất 1.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm; trạm xử lý nước thải công nghiệp CN2 khu vực Pk12-13 công suất 11.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; trạm xử lý nước thải công nghiệp CN3 công suất 26.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm khu vực Bắc Ninh Hòa; trạm xử lý nước thải công nghiệp CN5 công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và CN7 công suất 7.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm khu vực Nam Ninh Hòa. Nâng cấp trạm xử lý CN4 khu công nghiệp Ninh Thủy từ 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Các khu vực cụm công nghiệp, làng nghề yêu cầu xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn loại A trước khi xả ra môi trường.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Dự báo lượng chất thải rắn sinh hoạt và du lịch phát sinh trong khu vực khoảng 2.700 tấn/ngày đêm; bố trí 6 trạm trung chuyển chất thải rắn cỡ nhỏ, cố định chính thức, quy mô 500 - 1000 m<sup>2</sup>/1 trạm tại các vị trí thuận lợi giao thông và đủ khoảng cách ly.

+ Hoàn thiện khu xử lý chất thải rắn Bắc Vân Phong tại xã Vạn Khánh huyện Vạn Ninh với quy mô 30 ha; xây dựng mới khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Vân Phong tại khu vực xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa quy mô diện tích 30 - 50 ha.

- Quy hoạch nghĩa trang:

Xây dựng nghĩa trang Bắc Vân Phong tại xã Vạn Khánh quy mô diện tích khoảng 30 ha; mở rộng khu vực nghĩa trang tại chân núi Bồ Đà tại xã Vạn Hưng quy mô khoảng 15 ha. Cải tạo nâng cấp và mở rộng nghĩa trang Nam Vân Phong tại xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa với quy mô khoảng 85 ha.

#### 10. Đánh giá môi trường chiến lược.

- Bảo tồn đa dạng sinh học, rừng. Bảo vệ cảnh quan, bảo vệ nguồn nước các hồ chứa nước như hồ Đồng Điền, hồ Hoa Sơn. Kiểm soát hoạt động phát triển du lịch; kiểm soát nguy cơ cháy rừng (núi Hoa Sơn, đảo Hòn Lớn, bán đảo Hòn Gốm và núi Hòn Hèo).

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao thân thiện môi trường; kiểm soát suy thoái ô nhiễm đất. Phát triển mô hình theo cụm dân cư hỗ trợ tiêu thoát nước, giảm ngập úng cho các vùng phát triển đô thị; cải thiện môi trường nông thôn, quản lý chất thải khu dân cư; tạo thêm các không gian mặt nước hỗ trợ tiêu thoát nước và cấp nước (khu vực phía Bắc Ninh Hòa, phía Tây quốc lộ 1).

- Phục hồi phát triển đô thị - du lịch: Kiểm soát ô nhiễm, giám sát tác động môi trường trong phát triển đô thị mới; đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng môi trường; áp dụng đồng bộ các giải pháp hạ tầng xanh, thoát nước bền vững tạo cảnh quan ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu - khu vực thị xã Ninh Hòa.

- Đối với đô thị du lịch biển đảo: Cải tạo, phục hồi không gian xanh, rừng ngập mặn ven biển ứng phó với bão, cát bay; quy hoạch các vị trí phòng tránh sơ tán thiên tai - khu trung tâm bán đảo Hòn Gốm, Tuần Lễ - Hòn Ngang.

- Kiểm soát các hoạt động phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản; đảm bảo hành lang và năng lực tiêu thoát nước Tây Bắc - Đông Nam.

- Kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường khu công nghiệp, cảng tổng hợp và chuyên dùng; phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường thông qua không gian xanh cách ly, hồ điều hòa tại khu công nghiệp, hạn chế ảnh hưởng tới chất lượng nước ven bờ; xây dựng kế hoạch và kiểm soát sự cố ô nhiễm ven biển (tràn dầu, hóa chất); quy hoạch các khu vực phòng tránh sơ tán thiên tai - khu vực cảng Nam Vân Phong.

- Thực hiện các chương trình giám sát chất lượng môi trường.

#### 11. Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện:

##### a) Giai đoạn đến năm 2030:

- Tổ chức lập các quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng trong khu kinh tế.

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các tuyến cao tốc Bắc - Nam (đoạn Nha Trang - Vân Phong) và tuyến Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính trong khu kinh tế.

- Đầu tư xây dựng hệ thống hồ chứa nước Hồ Đồng Điền, cải tạo nâng cấp các hồ Hoa Sơn, Đá Bàn và Tiên Du; cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các nhà máy nước theo nhu cầu đầu tư phát triển khu kinh tế.

- Xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng cảng hành khách quốc tế, cảng hàng không, các khu đô thị du lịch, dịch vụ du lịch cao cấp tại khu vực Bắc Vân Phong; đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cảng tổng hợp, container tại khu vực Nam Vân Phong.

- Xây dựng các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, trung tâm nghiên cứu đại dương...

- Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, trạm xử lý nước thải, trạm biến áp trong giai đoạn quy hoạch.

- Duy trì các dự án đầu tư đã đi vào hoạt động hoặc cấp chứng nhận đầu tư có hiệu quả; điều chỉnh các dự án hoạt động không hiệu quả theo định hướng quy hoạch.

b) Giai đoạn sau năm 2030:

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt kết nối vào Đầm Môn và Ninh Phước.

- Hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trục chính trong khu kinh tế.

- Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, trạm xử lý nước thải, trạm biến áp trong giai đoạn quy hoạch.

12. Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

- Phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch được duyệt theo quy định; ban hành Quy định quản lý theo Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt.

- Tổ chức rà soát, lập các chương trình, khu vực và kế hoạch phát triển đô thị; triển khai thực hiện các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị; các quy hoạch nông thôn phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch chung

xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt đúng các quy định pháp luật.

- Xây dựng cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật để Khu kinh tế trở thành động lực phát triển của tỉnh Khánh Hòa, khu vực phụ cận và của cả nước.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các số liệu Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, không hợp thức các sai phạm. Nội dung Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 cần đảm bảo phù hợp các quy hoạch cấp trên theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt, chủ động rà soát, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và du lịch của địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định pháp luật. Giao Bộ Xây dựng lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch được duyệt, hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ rà soát tình hình triển khai triển hiện Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt theo đúng quy định pháp luật.

- Bộ Xây dựng hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công bố đồ án quy hoạch chung xây dựng.

3. Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 phải kế thừa Quy hoạch trước đây, việc điều chỉnh thay đổi phải đánh giá tác động. Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và pháp luật nếu xảy ra xung đột, tranh chấp.

4. Giao các bộ, ngành Trung ương phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trong việc triển khai thực hiện Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 theo lĩnh vực ngành quản lý, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng tại địa phương, tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp, xem xét bố trí và hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, kêu gọi đầu tư để thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công an, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Ban Quản lý KKT Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, NC, NN, KGVX, PL, Vụ.I, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2). Tuấn *td*

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trần Hồng Hà**